

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-9-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Quang Nghĩa.**
2. Ông Lữ Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 571/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1997. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Công nhân.
Dân tộc: Kinh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm: 1993. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Tài xế.
Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Nguyễn Duy L đăng ký kết hôn năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, cuộc sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, từ tháng 4 năm 2023 đến nay vợ chồng không còn sống chung. Nhận thấy,

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung, nên chị yêu cầu được ly hôn anh [Nguyễn Duy L.](#)

Về con chung: Chị và anh [Nguyễn Duy L.](#) có 01 người con chung tên: [Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 03-3-2018, hiện đang sống với anh [L.](#) Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu anh [Nguyễn Duy L](#) cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh [Nguyễn Duy L](#) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị [Nguyễn Thị Kim T](#) về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị [Nguyễn Thị Kim T](#). Cuộc sống chung của vợ chồng mâu thuẫn như chị [Nguyễn Thị Kim T](#) trình bày, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao người con chung tên [Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 03-3-2018 cho chị [Nguyễn Thị Kim T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh [Nguyễn Duy L.](#) Như vậy, chị [Nguyễn Thị Kim T](#) là nguyên đơn, anh [Nguyễn Duy L](#) là bị đơn; anh [Nguyễn Duy L](#) có nơi thường trú tại [ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#), như vậy Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#).

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2017, ngày 24-02-2017 Ủy ban nhân dân xã [X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#), cấp cho chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh [Nguyễn Duy L](#) không có trách nhiệm với gia đình, không yêu thương chị, hay mắng chửi. Anh chị không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023 đến nay, trong thời gian qua anh chị không gặp nhau giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng cùng nhau chung sống; anh [Nguyễn Duy L](#) đồng ý ly hôn. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh [Nguyễn Duy L](#) và chị [Nguyễn Thị Kim T](#) đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị [Nguyễn Thị Kim T](#) được ly

hôn với anh [Nguyễn Duy L](#) là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung:*

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) thống nhất vợ chồng có 01 người con chung tên: [Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 03-3-2018, sau khi ly hôn chị [Nguyễn Thị Kim T](#) là người trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên ghi nhận.

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) không yêu cầu anh [Nguyễn Duy L](#) cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[6] *Về tài sản:*

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[7] *Về nợ chung:*

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) thống nhất không có, nên không xét.

[8] *Về án phí:*

Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó không có lời phát biểu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#).

2. Về nuôi con chung: Anh [Nguyễn Duy L](#) phải giao người con chung tên: [Nguyễn Duy A](#), sinh ngày 03-3-2018, cho Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Nguyễn Duy L](#) có yêu cầu khác.

Tạm thời anh [Nguyễn Duy L](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh [Nguyễn Duy L](#) được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Kim T nộp theo Biên lai thu tiền số **0008208** ngày **01-8-2023**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND. xã Xuân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng